

Dành cho sinh viên nhập học niên khóa 2018 – 2022 (QH1618) HỆ CHẤT LƯỢNG CAO

KHÔI KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP			KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH								
I. KHÔI KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG (Tối thiểu 32 tín chỉ)			II. KHÔI KIẾN CƠ SỞ CỦA NGÀNH (22 TC – bắt buộc)			C. LUẬT QUỐC TẾ					
<u>Nhóm môn học</u>	<u>Số tín chỉ</u>	<u>Mã môn</u>	<u>Mã</u>	<u>Môn học</u>	22.0 TC						
Các môn bắt buộc28.0						QTE044	Luật dân sự Việt Nam	2.0			
Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin	5.0	DAI001/002		QTE131.1 Lịch sử QHQT I	2.0	QTE049	Luật sở hữu trí tuệ	2.0			
Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.0	DAI004		QTE132.1 Lịch sử QHQT II	2.0	QTE104	Luật kinh doanh	3.0			
Đường lối cách mạng Đảng Cộng Sản Việt Nam	3.0	DAI003		QTE040.1 Lịch sử ngoại giao Việt Nam	2.0	QTE050	Luật thương mại quốc tế	2.0			
Lịch sử văn minh thế giới	3.0	DAI016		QTE059 Nhập môn quan hệ quốc tế (V/A)	3.0	QTE043	Luật biển (V/A)	2.0			
Cơ sở văn hoá Việt Nam	2.0	DAI012		QTE063 Phương pháp NCKH trong QHQT (V/A)	2.0	QTE106	Pháp luật về phòng vệ thương mại	2.0			
Chính trị học đại cương	2.0	DAI028		QTE089 Chính sách đối ngoại Việt Nam	2.0	QTE105	Pháp luật cạnh tranh	2.0			
Nhập môn nhà nước và pháp luật	3.0	QTE052.1		QTE064.1 Quan hệ Kinh tế quốc tế	3.0		Pháp luật về hợp đồng lao động	2.0			
News listening	2.0			QTE018 Công pháp quốc tế (V/A)	2.0	QTE047	Luật môi trường quốc tế	2.0			
Phonetics and Pronouciation	2.0			QTE085 Tư pháp quốc tế	2.0	IV. KHÔI KIẾN THỨC BỔ TRỢ (Tối thiểu 14 TC- tự chọn)					
Kinh tế vi mô I	2.0	DIA036		QTE029.1 Kinh tế chính trị quốc tế (V/A)	3.0	QTE111	Văn hoá giao tiếp	2.0			
Kinh tế vĩ mô I	2.0	DIA037					DAI043	Nghiệp vụ ngoại giao	2.0		
Các môn tự chọn4.0						QTE109	Giao tiếp xuyên văn hóa (V/A)	2.0			
Xã hội học đại cương (V/A)	2.0	DAI021					QTE019	Đàm phán quốc tế (V/A)	2.0		
Nhân học văn hóa	2.0	DAI023					QTE108	Báo chí và thông tin đối ngoại	2.0		
Tâm lý học đại cương	2.0	DAI022					QTE110	Thư ký văn phòng đối ngoại	2.0		
Tiếng Việt thực hành	2.0						QTE056	Marketing nhập môn	2.0		
Môi trường và phát triển	3.0	DAI006					QTE021	Đối ngoại công chúng (PR)	2.0		
Kinh tế phát triển	2.0	QTE035					QTE009	Chairing international conference (V/A)	2.0		
Các chứng chỉ bắt buộc						QTE024	Hợp đồng thương mại quốc tế	2.0			
Tin học ứng dụng CNTT	Tự tích lũy và nộp chứng chỉ								V. ANH VĂN CHUYÊN NGÀNH QHQT (28 TC – bắt buộc)		
Giáo dục thể chất	Tự tích lũy và nộp chứng chỉ								VI. THỰC TẬP THỰC TẾ (6 TC – bắt buộc)		
Giáo dục quốc phòng	Tự tích lũy và nộp chứng chỉ								QT TT1		
									Hoàn tất toàn bộ các chương trình thực tập thực tế sau:		
									Tiến trình lịch sử Việt Nam (học kỳ III)	2.0	
									Thực tập công ty (sau học kỳ VI)	2.0	
									Thực tập nước ngoài (học kỳ VII)	2.0	

									KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP (10 TC)		QTE026
									(Tự chọn có điều kiện*)		
									Sinh viên hết học kỳ VI có điểm tích lũy trên 8.0 có thể đăng ký làm khóa luận tốt nghiệp với khoa.		

									ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP		
									Số tín chỉ tối thiểu tích lũy120 tín chỉ		
									Các chứng chỉ bắt buộc		
									Tin học ụng dụng CNTT		
									Thể chất		
									Quốc phòng		
									Nội 1 trong các chứng chỉ tiếng Anh đạt chuẩn B2.2 tương đương sau:		
									* TOEFL iBT 90		
									* IELTS 6.5		
									* VNU-EPT 10 (B2.2)		
									* Toeic (nghe, đọc):650, (nói-viết):300		

TIẾN TRÌNH HỌC TẬP GỢI Ý:			Học kỳ VI			MÔ TẢ NGÀNH HỌC:			Bảng cử nhân Quan Hệ Quốc Tế của Khoa QHQT – Trường Đại học KHXXH&NV – ĐHQG TP.HCM hiện nay chưa phải là chương trình đào tạo đáp ứng được toàn diện đối với những sinh viên muốn nghiên cứu rộng và sâu về tất cả những vấn đề quốc tế hay các nước khác. Thực tế, không có một đơn vị nào có thể cung cấp một chương trình đào tạo nghiên cứu vừa có hệ thống, vừa chuyên sâu về tất cả các vấn đề như vậy.				
Học kỳ I			Học kỳ VII			CƠ HỘI NGHỀ NGHIỆP:			Sinh viên tốt nghiệp ngành QHQT - Đại học KHXXH&NV ĐHQG TP.HCM có rất nhiều lựa chọn để tiếp tục theo đuổi những lĩnh vực quốc tế hay các nước khác mà họ quan tâm như:				
DAI001	Những NL cơ bản Mác Lênin I	2.0	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.0	Kinh tế chính trị quốc tế	2.0	Ngành quan hệ quốc tế cung cấp cho sinh viên một khối kiến thức khoa học xã hội vững chắc trong nhiều lĩnh vực khác nhau cùng với những kĩ năng hữu ích. Bên cạnh những kiến thức căn bản (về lịch sử, địa lý, văn hóa – xã hội các nước), sinh viên ngành QHQT sẽ được học cách phân tích khái niệm và ý tưởng để có thể hệ thống, giải thích, hiểu, phân tích và so sánh được mối quan hệ giữa các quốc gia. <i>Sinh viên khi tốt nghiệp sẽ đạt được sự hiểu biết nhất định về những vấn đề toàn cầu, về quan hệ quốc tế đương đại trong các lĩnh vực: chính trị - ngoại giao, kinh tế quốc tế, luật pháp quốc tế, đồng thời bảo đảm đạt được trình độ tiếng Anh chuyên nghiệp (Tiếng Anh: TOEFL 90, IELTS 6.5, VNU-EPT10 – B2.2, TOEIC (nghe, đọc: 650, nói, viết: 300). Bên cạnh những kỹ năng cơ bản như kỹ năng viết và thuyết trình, sử dụng thuần thục các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông cho công việc, kỹ năng làm việc độc lập, sinh viên còn được rèn luyện khả năng lãnh đạo, lên kế hoạch và quản lý thời gian; khả năng giao tiếp hiệu quả, hợp tác tốt để đạt mục đích chung thông qua làm việc nhóm; xây dựng các tổ chức cơ bản của cộng dân toàn cầu (Global Citizen) như ý thức phục vụ cộng đồng, tuân thủ pháp luật, phẩm chất tự tin, độc lập, tiên phong và hội nhập.</i> Từ đó, sinh viên sẽ có rất nhiều cơ hội nghề nghiệp tương lai trong các lĩnh vực liên quan đến chính phủ, luật pháp, kinh doanh, truyền thông, giáo dục, các tổ chức quốc tế, v.v.	Tuy nhiên, sinh viên cần lưu ý rằng một số công việc trên yêu cầu phải được đào tạo thêm về chuyên môn sau khi tốt nghiệp. Như vậy, Bằng cử nhân Quan hệ Quốc tế chỉ nên coi như một chứng nhận sinh viên đã nắm được phương pháp luận và kiến thức cơ bản của nhiều lĩnh vực khác nhau; từ đó, sinh viên có thể phát triển tiếp những lĩnh vực mà mình quan tâm nhất, hơn là coi nó như một tấm bằng để đi làm ngay.			Bằng cử nhân Quan Hệ Quốc Tế của Khoa QHQT – Trường Đại học KHXXH&NV – ĐHQG TP.HCM hiện nay chưa phải là chương trình đào tạo đáp ứng được toàn diện đối với những sinh viên muốn nghiên cứu rộng và sâu về tất cả những vấn đề quốc tế hay các nước khác. Thực tế, không có một đơn vị nào có thể cung cấp một chương trình đào tạo nghiên cứu vừa có hệ thống, vừa chuyên sâu về tất cả các vấn đề như vậy.		
DAI016	Lịch sử văn minh thế giới	2.0	Đàm phán quốc tế	2.0	E-V Translation 2	2.0	Cần phải phân định rõ ngành Quan hệ Quốc tế chỉ nghiên cứu một bộ phận trong khái niệm “Quốc tế” – vốn bao hàm rất nhiều vấn đề (về con người, ngôn ngữ, văn hóa, truyền thống...) vượt trên ranh giới lãnh thổ các quốc gia.	Sinh viên tốt nghiệp ngành QHQT - Đại học KHXXH&NV ĐHQG TP.HCM có rất nhiều lựa chọn để tiếp tục theo đuổi những lĩnh vực quốc tế hay các nước khác mà họ quan tâm như:					
DAI012	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2.0	Professional Writing	2.0	V-E Translation 2	2.0		- Các ngành khoa học xã hội có chuyên ngành mang yếu tố quốc tế: kinh tế, địa lý, lịch sử hay khoa học chính trị;					
Nhập môn Nhà nước và Pháp luật	3.0	V-E Translation 1	1.0	Thực tập nước ngoài	2.0	Tự chọn Anh văn		2.0	- Các ngành Nghiên cứu khu vực, như Hoa Kỳ, Châu Mỹ Latinh, Châu Âu, Châu Á, Châu Phi và Trung Đông;				
	General Speaking		1.0		Advanced Translation			2.0	- Các ngành thuộc lĩnh vực đối ngoại, truyền thông;				
	General Listening		1.0					Tự chọn 1 chuyên ngành/ngành/vụ	2.0	- Các ngành Ngoại ngữ;			
	General Reading		1.0				Tự chọn chuyên ngành/ngành/vụ		2.0	- Các ngành có chuyên ngành phụ của một trong các lĩnh vực trên.			
	General Writing		1.0						Tự chọn chuyên ngành/ngành/vụ	2.0	- Ngành tổ chức nhân sự		
Môn tự chọn đại cương	2.0	Tự chọn chuyên ngành/ngành/vụ	2.0	- Ngành tư vấn và chăm sóc khách hàng									
Môn tự chọn đại cương	2.0		Tự chọn chuyên ngành/ngành/vụ	2.0	- Ngành tổ chức sự kiện, phát triển giáo dục								
Học kỳ II				Học kỳ VIII				VNU – EPT B2.2 tương đương IELTS 6.0-6.5, TOEFL iBT 79-93					
DAI001	Những NL cơ bản Mác Lênin II			3.0	Kinh tế chính trị quốc tế	2.0	Ngoài các môn học đã được nêu trong chương trình đào tạo trên, nếu sinh viên quan tâm đến một khu vực, một quốc gia cụ thể, sinh viên có thể tích lũy các tín chỉ ở các khoa/ bộ môn khác, bao gồm:	LƯU Ý: Sinh viên cần đăng kí tối thiểu 15 tín chỉ mỗi học kỳ, đây là số tín chỉ tối thiểu để có thể tham gia xét học bổng khuyến khích học tập. Sinh viên cần lựa chọn tín chỉ theo khả năng của mình và nên tham khảo cố vấn học tập. Cần nhớ rằng nếu sinh viên lựa chọn số tín chỉ ít hơn sẽ làm tăng chi phí học tập và kéo dài thời gian tốt nghiệp; cũng như lựa chọn số tín chỉ quá nhiều trong một học kỳ sẽ làm sinh viên khó tiếp thu đầy đủ và hoàn thành tốt các môn học. Trong thời gian học, sinh viên bắt buộc phải tham gia tối thiểu hai CLB hoặc hai hoạt động công tác xã hội.					
QTE131	Lịch sử QHQT I			2.0	E-V Translation 2	2.0	TOEIC (nghe, đọc: 650; nói, viết: 300)						
Chính trị học đại cương	2.0	V-E Translation 2		2.0	Thực tập nước ngoài	2.0							
	Phonetics and Pronunciation		1.0	Tự chọn Anh văn		2.0							
	News & talk Listening 1		1.0			Advanced Translation					2.0		
	Critical Reading		1.0					Tự chọn 1 chuyên ngành/ngành/vụ	2.0				
	Composition Writing		1.0				Tự chọn chuyên ngành/ngành/vụ		2.0				
Môn tự chọn đại cương	2.0	Tự chọn chuyên ngành/ngành/vụ	2.0										
Môn tự chọn nghiệp vụ	2.0		Tự chọn chuyên ngành/ngành/vụ	2.0									
Môn tự chọn chuyên ngành	2.0			Tự chọn chuyên ngành/ngành/vụ	2.0								
Quản sự	2.0				Tự chọn chuyên ngành/ngành/vụ	2.0							
Nộp Chứng chỉ: VNU – EPT B1.2 tương đương IELTS 4.5						HOA KỲ HỌC			*****				
Học kỳ III						TRUNG QUỐC							
QTE132	Lịch sử QHQT II	2.0	Lịch sử Hoa Kỳ			3.0	Lịch sử Trung Quốc	3.0					
Lịch sử ngoại giao Việt Nam	2.0	Văn hóa Hoa Kỳ	3.0	Văn hóa Trung Quốc		3.0							
	QTE053		Nhập môn QHQT		3.0	Chính trị và luật pháp Hoa Kỳ		3.0					
	QTE063		Phương pháp NCKH trong QHQT		2.0			Chính trị và luật pháp Trung Quốc	3.0				
	Communication skills		1.0		Kinh tế Mỹ				2.0				
	News and Talk listening 2		1.0				Quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ		2.0				
Critical Reading 2	1.0	Tự chọn chuyên ngành/ngành/vụ	2.0										
Academic writing	2.0		Tự chọn chuyên ngành/ngành/vụ	2.0									
Tự chọn chuyên ngành/ngành/vụ	2.0			Tự chọn chuyên ngành/ngành/vụ		2.0							
Thực tập	2.0				Tự chọn chuyên ngành/ngành/vụ	2.0							
"Tiến trình lịch sử Việt Nam"	2.0					Tự chọn chuyên ngành/ngành/vụ	2.0						
Học kỳ IV							EU			ĐÔNG NAM Á			
QTE064	Quan hệ kinh tế quốc tế	3.0	Lịch sử Châu Âu				3.0	Lịch sử Đông Nam Á	3.0				
Công pháp quốc tế	2.0	Văn hóa Châu Âu	3.0	Văn hóa Đông Nam Á			3.0						
	Đường lối của Đảng cộng sản Việt Nam		2.0		Chính trị và luật pháp Châu Âu		3.0						
	Việt Nam		2.0			Kinh tế Châu Âu	2.0						
	Public Speaking		2.0				Quan hệ Việt Nam – EU		2.0				
	Academic Listening 1		1.0					Chính sách an ninh Châu Âu	2.0				
Reading in Political Science 1	1.0	Tự chọn chuyên ngành/ngành/vụ	2.0										
Tự chọn chuyên ngành	2.0		Tự chọn chuyên ngành/ngành/vụ	2.0									
Tự chọn chuyên ngành	2.0			Tự chọn chuyên ngành/ngành/vụ	2.0								
Tự chọn nghiệp vụ	2.0				Tự chọn chuyên ngành/ngành/vụ	2.0							
Tự chọn nghiệp vụ	2.0					Tự chọn chuyên ngành/ngành/vụ	2.0						
Nộp chứng chỉ VNU-EPT B1.4 tương đương IELTS 5.5							ĐÔNG NAM Á			*****			
Học kỳ V			ĐÔNG NAM Á										
Chính sách đối ngoại Việt Nam	2.0	Lịch sử Đông Nam Á	3.0	Lịch sử Châu Âu			3.0	Lịch sử Đông Nam Á	3.0				
	Tư pháp quốc tế		2.0		Văn hóa Đông Nam Á		3.0		Văn hóa Đông Nam Á				3.0
	Academic Listening 2		1.0			Chính trị và luật pháp Châu Âu	3.0						Kinh tế Đông Nam Á
	Reading in Political Science		1.0				Quan hệ Việt Nam – ASEAN			2.0	Quan hệ Việt Nam – ASEAN	2.0	
	Academic research writing		2.0							Tự chọn chuyên ngành/ngành/vụ		2.0	
Tự chọn chuyên ngành	2.0	Tự chọn chuyên ngành/ngành/vụ	2.0										
Tự chọn chuyên ngành	2.0		Tự chọn chuyên ngành/ngành/vụ	2.0									
Tự chọn chuyên ngành	2.0			Tự chọn chuyên ngành/ngành/vụ	2.0								
Tự chọn nghiệp vụ	2.0				Tự chọn chuyên ngành/ngành/vụ	2.0							
Tự chọn nghiệp vụ	2.0					Tự chọn chuyên ngành/ngành/vụ	2.0						
Nộp chứng chỉ VNU-EPT B1.4 tương đương IELTS 5.5							ĐÔNG NAM Á			*****			
Học kỳ V			ĐÔNG NAM Á										
Chính sách đối ngoại Việt Nam	2.0	Lịch sử Đông Nam Á	3.0	Lịch sử Châu Âu			3.0	Lịch sử Đông Nam Á	3.0				
	Tư pháp quốc tế		2.0		Văn hóa Đông Nam Á		3.0		Văn hóa Đông Nam Á				3.0
	Academic Listening 2		1.0			Chính trị và luật pháp Châu Âu	3.0						Kinh tế Đông Nam Á
	Reading in Political Science		1.0				Quan hệ Việt Nam – ASEAN			2.0	Quan hệ Việt Nam – ASEAN	2.0	
	Academic research writing		2.0							Tự chọn chuyên ngành/ngành/vụ		2.0	
Tự chọn chuyên ngành	2.0	Tự chọn chuyên ngành/ngành/vụ	2.0										
Tự chọn chuyên ngành	2.0		Tự chọn chuyên ngành/ngành/vụ	2.0									
Tự chọn chuyên ngành	2.0			Tự chọn chuyên ngành/ngành/vụ	2.0								
Tự chọn nghiệp vụ	2.0				Tự chọn chuyên ngành/ngành/vụ	2.0							
Tự chọn nghiệp vụ	2.0					Tự chọn chuyên ngành/ngành/vụ	2.0						

